

Số: /2021/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 83/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 08 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 07 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 147/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 148/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 131/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 8 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 83/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 83/2018/TT-BTC như sau:

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 2 như sau:

“1. Bộ, Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;”

2. Sửa đổi khoản 4 Điều 4 như sau:

“4. SCIC chỉ thực hiện tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp thuộc đối tượng chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước về SCIC theo quy định tại Điều 3 Thông tư này và còn vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính năm hoặc quý gần nhất (giá trị vốn chủ sở hữu tại mã số 410 trên bảng cân đối kế toán lớn hơn 0) với thời điểm chuyển giao. Trường hợp doanh nghiệp tiếp nhận là công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Công ty mẹ của Tổng công ty nhà nước; công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con thì SCIC căn cứ vào báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ để xác định chỉ tiêu vốn chủ sở hữu”

3. Sửa đổi khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh là giá trị số sách phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp theo báo cáo tài chính riêng và các khoản tiền của Nhà nước còn phải thu hồi (nếu có)..”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 7 như sau:

“4. Trong thời hạn chuyển giao nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này, các Bộ, Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa ban hành quyết định công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu thì thực hiện chuyển giao giá trị vốn nhà nước theo giá trị được phê duyệt tại Phương án cổ phần hóa hoặc quyết định điều chỉnh quy mô, cơ cấu vốn điều lệ của doanh nghiệp cổ phần hóa.

Sau khi chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước, các Bộ, Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp tục chủ trì, phối hợp với SCIC và doanh nghiệp thực hiện xử lý các tồn tại về tài chính của doanh nghiệp, quyết toán, công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời

điểm công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu theo quy định của pháp luật về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần và điều chỉnh giá trị phần vốn nhà nước đã chuyển giao (nếu có).

Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp có trách nhiệm đôn đốc, chỉ đạo SCIC phối hợp với các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện xử lý các tồn tại về tài chính và quyết toán phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chính thức chuyển thành công ty cổ phần”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Số liệu chuyển giao được xác định là số liệu trên báo cáo tài chính riêng đối với năm hoặc quý đã được kiểm toán tại thời điểm gần nhất với thời điểm chuyển giao được lập theo đúng chế độ quy định.”

b) Sửa đổi khoản 2 như sau:

“2. Trường hợp doanh nghiệp chưa có báo cáo tài chính năm hoặc quý đã kiểm toán thì số liệu chuyển giao được xác định là số liệu trên báo cáo tài chính riêng tại thời điểm gần nhất của doanh nghiệp. SCIC được lựa chọn, thuê đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Sau khi có kết quả kiểm toán, SCIC phối hợp cùng các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện điều chỉnh số liệu chuyển giao (nếu có) theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Thông tư này hoặc ghi nhận các nội dung kiểm toán ngoại trừ vào Biên bản chuyển giao.”

c) Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Trường hợp báo cáo tài chính riêng đối với năm hoặc quý đã kiểm toán của doanh nghiệp có kết luận về nội dung ngoại trừ (không chấp nhận toàn phần) hoặc có nội dung các vấn đề cần lưu ý, SCIC có thể xem xét đề nghị đơn vị kiểm toán làm rõ để làm cơ sở điều chỉnh số liệu chuyển giao (nếu cần thiết) hoặc ghi nhận các nội dung đơn vị kiểm toán ngoại trừ và các vấn đề cần lưu ý vào Biên bản chuyển giao.”

d) Bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Trường hợp doanh nghiệp còn tồn tại về tài chính, chưa thực hiện việc quyết toán, công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, SCIC xem xét, đề nghị doanh nghiệp làm rõ nguyên nhân và ghi nhận vào Biên bản chuyển giao.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi khoản 3 Điều 9 như sau:

“3. Báo cáo tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp theo mẫu tại Phụ lục số 03 kèm theo Thông tư này. Trường hợp doanh nghiệp thuộc đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số liệu nêu tại Phụ lục số 03 là số liệu theo Báo cáo tài chính riêng.”

b) Bổ sung điểm h khoản 6 Điều 9 như sau:

“- Hồ sơ quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất của doanh nghiệp chuyển giao, bao gồm: phương án sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết định giao đất/hợp đồng cho thuê đất; hợp đồng mua bán hoặc chuyển nhượng đất và tài sản trên đất và các giấy tờ pháp lý có liên quan (nếu có).”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi khoản 5 như sau:

“5. Hồ sơ chuyển giao được doanh nghiệp gửi các bên có liên quan sau khi ký Biên bản chuyển giao, cụ thể:

- 01 bộ Hồ sơ gửi Bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- 01 bộ Hồ sơ gửi SCIC;

- 01 bộ Hồ sơ lưu tại doanh nghiệp;

- 01 bộ Phụ lục kèm theo Thông tư này gửi Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.”

b) Sửa đổi khoản 6 như sau:

“6. Khi hoàn tất việc chuyển giao, SCIC gửi Biên bản chuyển giao cho bên giao (01 bản), doanh nghiệp (01 bản) và Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (01 bản)”.

8. Sửa đổi khoản 12 Điều 12 như sau:

“12. Định kỳ, trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày kết thúc năm, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và gửi Bộ Tài chính, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, SCIC tình hình thực hiện việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước. Báo cáo cần nêu rõ tình hình triển khai (bao gồm việc quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu); kết quả thực hiện, thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và kiến nghị (nếu có); danh sách doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc đối tượng chuyển giao về SCIC nhưng chưa chuyển giao tính đến thời điểm kết thúc năm và thời gian dự kiến chuyển giao”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

a) Sửa đổi khoản 4 như sau:

“4. Theo dõi, đôn đốc các doanh nghiệp mà SCIC đã tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước nộp các khoản thu theo quy định về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp hoặc ngân sách nhà nước theo quy định; báo cáo Bộ Tài chính, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp kết quả thực hiện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc mỗi quý.”

b) Sửa đổi khoản 6 như sau:

“6. Định kỳ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu, SCIC báo cáo Bộ Tài chính, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp về tình hình thực hiện chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp; kế hoạch tổ chức tiếp nhận của quý tiếp theo. Báo cáo cần nêu rõ tình hình triển khai, kết quả thực hiện, danh sách các doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc đối tượng chuyển giao về SCIC nhưng chưa thực hiện chuyển giao, thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và kiến nghị (nếu có) theo mẫu tại Phụ lục 6 kèm theo Thông tư này.”

c) Sửa đổi khoản 7 như sau:

“7. Định kỳ, cùng thời hạn nộp báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp tình hình thực hiện chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước; kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp đã tiếp nhận. Báo cáo cần nêu rõ tình hình triển khai, kết quả thực hiện; danh sách các doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc đối tượng chuyển giao về SCIC nhưng chưa thực hiện chuyển giao; thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và kiến nghị (nếu có) theo mẫu tại Phụ lục 7 kèm theo Thông tư này.”

d) Sửa đổi khoản 10 như sau:

“10. Đối với các doanh nghiệp SCIC đã tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước nhưng chưa được các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn thành việc xác định giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu theo quy định của pháp luật về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, SCIC không thực hiện triển khai bán vốn nhà nước tại các doanh nghiệp này. Việc bán vốn chỉ tiếp tục thực hiện khi các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn thành việc quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.”

10. Sửa đổi Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 83/2018/TT-BTC tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Điều khoản thi hành.

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày.....tháng.....năm 2021.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét, xử lý./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở TC, Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Website Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Cục TCDN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Đức Chi

PHỤ LỤC SỐ 5

BIÊN BẢN CHUYỂN GIAO

(Kèm theo Thông tư số/2021/TT-BTC ngày/.../2021 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Công ty.....

- Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

- Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 8 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;

- Căn cứ Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

- Căn cứ Nghị định số 147/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

- Căn cứ Nghị định số 148/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

- Căn cứ Nghị định số 131/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

- Căn cứ Thông tư số 83/2018/TT-BTC ngày 30/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước.

- Căn cứ Thông tư số/2021/TT-BTC ngày của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 83/2018/TT-BTC ngày 30/8/2018 của

Bộ Tài chính hướng dẫn việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước.

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm..... tại trụ sở..... Bộ..... /Ủy ban nhân dân cấp tỉnh..... và Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước thống nhất lập Biên bản chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Công ty..... từvề, cụ thể như sau:

A. THÀNH PHẦN CHUYỂN GIAO

I. Bên giao: Ghi rõ tên, chức danh người ký chuyển giao. Trường hợp ủy quyền thì ghi rõ văn bản ủy quyền và kèm theo văn bản này vào hồ sơ chuyển giao.

II. Bên nhận: Ghi rõ tên, chức danh người ký chuyển giao. Trường hợp ủy quyền thì ghi rõ văn bản ủy quyền và kèm theo văn bản này vào hồ sơ chuyển giao.

B. NỘI DUNG CHUYỂN GIAO

I. Số liệu chuyển giao

1. Giá trị vốn đầu tư của Nhà nước tại Công ty chuyển giao về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước là..... đồng. Số cổ phần nhà nước chuyển giao (đối với công ty cổ phần) là..... cổ phần. *(Chi tiết theo Phụ lục số 1 kèm theo).*

2. Các khoản tiền của Nhà nước còn phải thu hồi từ doanh nghiệp (bao gồm cả lãi chậm nộp nếu có):..... đồng *(chi tiết theo Phụ lục số 2 Hồ sơ kèm theo).*

II. Hồ sơ tài liệu kèm theo.

- Danh mục Hồ sơ theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 83/2018/TT-BTC ngày 30/08/2018.

- Danh mục tài liệu còn thiếu (kèm theo Biên bản này).

III. Các vấn đề tiếp tục thực hiện sau chuyển giao (nếu có)

1. Số liệu vốn chuyển giao, tình hình doanh nghiệp căn cứ vào báo cáo của doanh nghiệp và Người đại diện tại thời điểm .../.../20.... (thời điểm lập hồ sơ chuyển giao theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 83/2018/TT-BTC ngày 30/8/2018).

Trường hợp sau khi chuyển giao, nếu số liệu tại Hồ sơ chuyển giao có thay đổi, các bên liên quan theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 83/2018/TT-BTC ngày 30/8/2018 phối hợp làm rõ nguyên nhân, đưa ra biện pháp xử lý và điều chỉnh lại số liệu chuyển giao chính thức.

2. Các tồn tại cần tiếp tục giải quyết (nếu có).

IV. Trách nhiệm của các bên liên quan cần tiếp tục thực hiện sau khi chuyển giao

(Việc xử lý các tồn tại trước khi doanh nghiệp chuyển đổi: Bộ.... /Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh..... có

trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước xử lý hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý.)

V. Biên bản này được các bên thống nhất và được lập thành 04 bản có giá trị như nhau để gửi các bên có liên quan:

1. 01 bản cho bên giao.
2. 01 bản cho bên nhận.
3. 01 bản lưu tại Công ty.
4. 01 bản gửi Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

BÊN GIAO

*(Ký và ghi rõ họ tên, chức danh,
đóng dấu)*

BÊN NHẬN

*(Ký và ghi rõ họ tên, chức danh, đóng
dấu)*

Phụ lục 6

Báo cáo tình hình thực hiện chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp Quý.../năm

(Kèm theo Thông tư số/2021/TT-BTC ngày/.../2021 của Bộ Tài chính)

Tên đơn vị:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., Ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

Tình hình chuyển giao/tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp Quý.../năm...

I. Tình hình chuyển giao/tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu

1. Kỳ báo cáo: Quý.../năm...

2. Tình hình thực hiện chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp.

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	Danh mục doanh nghiệp đã chuyển giao	Giá trị vốn nhà nước đã tiếp nhận	Ghi chú
<i>I</i>	<i>Bộ, ngành...</i>		
1	Tên doanh nghiệp...		
2	...		
<i>II</i>	<i>UBND tỉnh, thành phố...</i>		
1	Tên doanh nghiệp...		
2	...		

3. Khó khăn, vướng mắc (nếu có).

4. Kiến nghị (nếu có).

II. Kế hoạch tổ chức tiếp nhận của Quý tiếp theo

Nơi nhận:

- UBQLV (để b/c);
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Lưu: VT, SCIC (...b).

ĐƠN VỊ LẬP BÁO CÁO
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Phụ lục 7

Báo cáo tình hình thực hiện chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp năm...

(Kèm theo Thông tư số/2021/TT-BTC ngày/.../2021 của Bộ Tài chính)

Tên đơn vị:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., Ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

Tình hình chuyển giao/tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp năm...

I. Tình hình chuyển giao/tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu

1. Kỳ báo cáo: từ 1/1 – 31/12/năm...
2. Tình hình thực hiện chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp.

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	Danh mục doanh nghiệp chuyển giao	Doanh nghiệp đã tiếp nhận	Giá trị vốn nhà nước đã tiếp nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5
I	Bộ, ngành...			
1	Tên doanh nghiệp...			
2	...			
II	UBND tỉnh, thành phố...			
1	Tên doanh nghiệp...			
2	...			

Chú thích:

Cột 2: Danh mục doanh nghiệp dự kiến tiếp nhận trong năm.

Cột 3: đánh dấu (x) đối với doanh nghiệp đã tiếp nhận.

3. Đánh giá tình hình tiếp nhận doanh nghiệp.

- a) Thuận lợi.
 - b) Khó khăn, vướng mắc (nếu có).
4. Kiến nghị (nếu có).

II. Kế hoạch tổ chức tiếp nhận của năm tiếp theo

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- UBQLV (đề b/c);
- Bộ Tài chính (đề b/c);
- Lưu: VT, SCIC (....b).

ĐƠN VỊ LẬP BÁO CÁO
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)